**TUẦN 10**

**UNIT 4: LEARNING A FOREIGN LANGUAGE**

**TIẾT 20:**

**A. VOCABULARY**

3. SPEAK: Học sinh tự thực hiện

4. LISTEN

- culture /ˈkʌltʃə(r)/ (n): văn hóa

     + cultural /ˈkʌltʃərəl/ (a): thuộc về văn hóa

- close to: gần

- scenery /ˈsiːnəri/ (n) : phong cảnh, cảnh vật

- nation /ˈneɪʃn/ (n) : quốc gia, đất nước

     + national /ˈnæʃnəl/ (a): thuộc về quốc gia

     + national bank ngân hàng nhà nước

**B. TEXTBOOK CONTENT**

**4. LISTEN:**

**Nga is talking to Kate about her studying English. Listen to their conversation. Check (√) the boxes and correct the false sentences.**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **T** | **F** |
| a) Nga’s studying English for her work. |  |  |
| b) She learned English at school and university. |  |  |
| c) She works for a national bank in Ha Noi. |  |  |
| d) She needs to improve her writing. |  |  |
| e) Her listening is excellent. |  |  |
| f) She hopes she can talk to people from all over die world, and understand her favorite English songs. |  |  |

**TAPESCRIPTS:**

**Host:**Kate, can I introduce you to Nga. She’s studying English here in London.

**Kate:**Hello, pleased to meet you.

**Nga:**Pleased to meet you, too.

**Kate:**Where are you from, Nga?

**Nga:**     I’m from Vietnam.

**Kate:**    Why are you studying English here?

**Nga:**     I need it for my job.

**Kate:**    Really? So, what do you do?

**Nga:**     I work for a bank, an international bank in Hanoi.

**Kate:**    Oh, I see. Did you learn English at school?

**Nga:**     Yes, and at university, too. But I’ve forget**…**er**…**forget**…**

**Kate:**    Forgotten.

**Nga:**     Yes, of course. I’ve forgotten a lot of it. I want to improve my writing skill. You know…sometime I have to write letters in English.

**Kate:**    What about listening, Nga?

**Nga:**      It’s terrible. This is my biggest problem. People talk very quickly and I can't understand them.

**Kate:**     Do you like studying English?

**Nga:**      Oh yes. It’ an interesting language and it’s very useful; and I can talk to people from all over the world… and I can understand the words of my favorite songs, too.

**Kate:**     Well. That’s very good. Good luck to you, Nga.

***LƯU Ý***:

* ***Phần A: từ vựng (VOCABULARY) bao gồm 2 phần*** :

+ Từ mới đã được giáo viên giảng dạy trong các clip đính kèm .

+ Ôn lại các từ quan trọng trong bài học (nếu học sinh có quên cách đọc các từ này có thể tra cứu bằng từ điển online trên GOOGLE hoặc hỏi trực tiếp giáo viên bộ môn)

* ***Phần B*:** là nội dung sách giáo khoa (TEXTBOOK CONTENTS) dành cho những em chưa tiếp cận được sách giáo khoa giấy, điện tử.